

Sóc Trăng, ngày...tháng 6 năm 2023

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Đặng Văn Ngộ

Số 17/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

1. Sản lượng nước thương phẩm: 22.600.000 m³.
2. Tổng doanh thu: 216.968.000.000 đồng.
3. Lợi nhuận: 34.000.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.



Đặng Văn Ngo

Số: 178./TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7...tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán thù lao năm 2022 và Kế hoạch thù lao năm 2023
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2022 và kế hoạch mức thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

1. Thực hiện năm 2022

1.1. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

1.2. Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị: **1.243.726.878 đồng** (Một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, tám trăm bảy mươi tám đồng)
- Ban kiểm soát: **621.863.439 đồng** (Sáu trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng)

2. Kế hoạch thù lao năm 2023

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.



Đặng Văn Ngo

Số: 179./TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch đầu tư các công trình, dự án, lĩnh vực đầu tư

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/12/2017;

Căn cứ Biên bản họp số 03/BB-HĐQT ngày 06/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, phiên số 22, nhiệm kỳ 2017-2022;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch đầu tư các công trình, dự án, lĩnh vực đầu tư như sau:

I. Các dự án, công trình đang thực hiện dở dang từ năm 2022 chuyển tiếp sang năm 2023 (đã được thông qua theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):

Tổng giá trị đầu tư chuyển tiếp từ 2022 sang năm 2023 là: **78.387.806.733** đồng (Bảy mươi tám tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 15.571.181.777 đồng (Mười lăm tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, một trăm tám mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước, trị giá: 34.300.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Lịch Hội Thượng, công suất 3.000m³/ngày đêm, trị giá 17.150.000.000 đồng.

- Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Kế Sách, công suất 3.000m³/ngày đêm, trị giá 17.150.000.000 đồng.

3. Đầu tư khoan thêm 04 giếng khai thác cho các Nhà máy nước, trị giá: 4.400.000.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- 01 giếng tầng sâu thay thế giếng 8A tại XNCN Nguyễn Chí Thanh, trị giá 1.500.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng nông tại XNCN Kế Sách, trị giá 700.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng nông tại XNCN Ngã Năm, trị giá 700.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3, trị giá 1.500.000.000 đồng.

4. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 15.605m, trị giá: 10.080.150.467 đồng (Mười tỷ, không trăm tám mươi triệu, một trăm năm mươi ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

5. Đầu tư trang thiết bị kết nối, cung cấp thông tin dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trị giá: 14.036.474.489 đồng (Mười bốn tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm tám mươi chín đồng).

II. Các dự án, công trình đề nghị thực hiện năm 2023:

Tổng giá trị dự kiến đầu tư năm 2023 là: **102.741.294.388** đồng (Một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, hai trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 14.723.642.597 đồng (Mười bốn tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi bảy đồng).

2. Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước, trị giá: 42.150.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Hưng Lợi, công suất 3.000m³/ngày đêm, trị giá 17.150.000.000 đồng.

- Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước mặt, công suất 10.000m³/ngày đêm, trị giá 25.000.000.000 đồng (là giá trị cho giai đoạn 1, công suất 5.000m³/ngày đêm). Dự kiến vị trí xây dựng nhà máy tại khu vực cầu Bung Cốc, Quốc lộ 1A, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên.

3. Đầu tư khoan thêm 03 giếng khai thác (02 giếng tầng nông và 01 giếng tầng sâu), 03 giếng quan trắc tầng nông và thổi rửa 33 giếng khai thác cho các Nhà máy nước, trị giá: 5.912.953.413 đồng (Năm tỷ, chín trăm mười hai triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm mười ba đồng).

4. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 55.383m, trị giá: 36.478.508.178 đồng (Ba mươi sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng).

5. Chi phí lập các hồ sơ xin phép khai thác, môi trường và nâng cấp máy vi tính văn phòng, trị giá: 3.476.190.200 đồng (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm chín mươi ngàn, hai trăm đồng).

III. Các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư

Tổng giá trị dự kiến đầu tư là: **80.000.000.000** đồng (Tám mươi tỷ đồng), bao gồm:

1. Đầu tư các dự án điện mặt trời, trị giá: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).

2. Đầu tư các hệ thống sản xuất nước sạch với tổng công suất 15.000m³/ngđ, trị giá: 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng).

Tổng giá trị dự kiến đầu tư đối với các công trình, dự án đầu tư chuyển tiếp từ 2022 sang năm 2023, kế hoạch năm 2023, các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư là: **261.129.101.121** (Hai trăm sáu mươi một tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, một trăm lẻ một nghìn, một trăm hai mươi một đồng).

(Kèm theo Bảng tổng hợp các dự án/công trình chuyển tiếp từ 2022, đề xuất thực hiện năm 2023 và các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư)

IV. Các dự án, lĩnh vực đầu tư khác

1. Đầu tư mới, sửa chữa, nâng cấp, mua mới: Trụ sở Công ty, trụ sở xí nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.
2. Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực như: lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng, công nghiệp.
3. Đầu tư kinh doanh vào thị trường tài chính, thị trường bất động sản.
4. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại các công ty con, công ty thành viên hoặc các công ty khác.

Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chủ động cân đối nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn từ các quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận chưa phân phối, vốn vay thương mại, vốn vay các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn khác để quyết định phương án, chủ trương đầu tư, quy mô, giá trị, tính chất, công suất và các nội dung khác liên quan trong quá trình thực hiện các công trình, dự án đầu tư chuyển tiếp từ 2022 sang năm 2023, kế hoạch năm 2023, các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư và các dự án, lĩnh vực đầu tư khác theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được, phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tiễn. Về trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền:

(i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền và giao nhiệm vụ;

(ii) Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ và ủy quyền cho các đơn vị, cá nhân liên quan: Thực hiện các công việc cần thiết, phù hợp quy định pháp luật; Ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.



Đặng Văn Ngo



**BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN NĂM 2023**

(Đính kèm Tờ trình số 129/TTr-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

STT	Tên xí nghiệp	Tên hạng mục	Quy mô, công suất	Giá trị đầu tư dự kiến (đồng)	Tiến độ thực hiện
I	Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy:			15.571.181.777	
1	XNCN Phú Lợi	1.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép Trạm phường 2, TP. Sóc Trăng	500m ³	2.250.000.000	Đã gửi đề nghị xin ý kiến Tổ trợ lý về việc cho thuê tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Đề nghị số 20/ĐN-KHVT, ngày 23/09/2022)
		1.2/ Sửa chữa, bảo trì hệ thống lọc RO (thay màng lọc và một số vật tư khác theo Báo cáo kiểm tra hệ thống lọc RO - XNCN Phú Lợi của Công CP TVTKXD Hoàn Mỹ Việt Nam)	Thay 92 màng lọc/156 màng của 02 line (line 1: 44 màng; line 2: 48 màng) và một số vật tư khác	2.489.030.000	- Khái toán CP bảo trì line 1: 996.390.000 đồng - Khái toán CP bảo trì line 2: 992.640.000 đồng - Khái toán CP lập Báo cáo KTKT công trình cho line 1 và line 2: 500.000.000 đồng
2	XNCN Mỹ Xuyên	2.1/ Đầu tư hệ thống xử lý mặn tại NMN Mỹ Xuyên 3	2.000 m ³ /ngày đêm	8.000.000.000	
3	XNCN Vĩnh Châu	3.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép tại Trạm Hải Ngư	500m ³	2.250.000.000	Đã gửi đề nghị xin ý kiến Tổ trợ lý về việc cho thuê tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Đề nghị số 20/ĐN-KHVT, ngày 23/09/2022)
4	XNCN Thạnh Trị	4.1/ Cải tạo hàng rào Trạm cấp nước Hưng Lợi (cột đà BTCT, tường xây gạch kín)	cao 2,5m x dài 75m	322.151.777	Đang thi công, đạt 90% khối lượng hợp đồng
5	XNCN Đại Ngãi	5.1/ Cải tạo sửa chữa Trạm bơm cấp 2 Nhà máy Đại Ngãi	Thay đường ống hút, ống đẩy; bổ sung bơm 15kW; cải tạo đường dây điện 3x25mm dài 35m	260.000.000	Tăng lưu lượng và áp lực vào mùa khô

II	Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước:			34.300.000.000	
1	XNCN Trần Đề	1.1/ Đầu tư xây dựng NMN Lịch Hội Thượng	3.000 m ³ /ngày đêm	17.150.000.000	Bổ sung nguồn nước cho khu vực Trần Đề - Lịch Hội Thượng
2	XNCN Kế Sách	2.1/ Đầu tư xây dựng mới NMN Kế Sách	3.000m ³ / ngày đêm	17.150.000.000	Bổ sung nguồn nước cho khu vực thị trấn Kế Sách và các khu vực lân cận
III	Đầu tư khoan thêm giếng cho các Nhà máy nước			4.400.000.000	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Khoan giếng tăng sâu thay thế giếng 8A	80 m ³ /giờ	1.500.000.000	Thực hiện điều chỉnh Giấy phép khai thác nước số 23/GP-BTNMT, ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	XNCN Kế Sách	2.1/ Khoan giếng mới tăng cường nguồn nước cho đơn vị (giếng KS7)	60m ³ /giờ	700.000.000	Đang thuê tư vấn lập hồ sơ xin phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại XN Kế Sách
3	XNCN Ngã Năm	3.1/ Bổ sung thêm 01 giếng khai thác (giếng NN4)	60m ³ /h	700.000.000	
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.1/ Bổ sung 01 giếng tăng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3 (do tầng nông chất lượng nước không tốt, bị nhiễm mặn)	80m ³ /h	1.500.000.000	Đã có giấy phép thăm dò, đang thẩm tra hồ sơ thiết kế - dự toán giếng khoan thăm dò
IV	Mở rộng, cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước:			10.080.150.467	
1	XNCN Phú Lợi	1.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Quảng Khuôn	ống HDPE D160 dài 2.120m; HDPE D110 dài 1.435m; HDPE D63 dài 290m	2.234.309.436	Đã gửi đề nghị xin ý kiến Tổ trợ lý về việc chấp thuận cho thực hiện công trình (Đề nghị số 09/ĐN-KH, ngày 14/03/2023)
2	XNCN Long Phú	2.1/ Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ Nam Sông Hậu, đoạn nối liền thị trấn Long Phú và xã Long Đức	ống HDPE D160 chiều dài 6.700m	4.347.316.886	Đã gửi đề nghị xin ý kiến Tổ trợ lý về việc chấp thuận cho thực hiện công trình (Đề nghị số 09/ĐN-KH, ngày 14/03/2023)

3	XNCN Trần Đề	3.1/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934C nối liền Trần Đề và Lịch Hội Thượng	ống HDPE D160 chiều dài 5.060m	3.498.524.145	Đã gửi đề nghị xin ý kiến Tổ trợ lý về việc chấp thuận cho thực hiện công trình (Đề nghị số 09/ĐN-KH, ngày 14/03/2023)
V	Đầu tư thiết bị quan trắc tự động khai thác nước			14.036.474.489	
1		Gói thầu số 1: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm, nước mặt cho các giếng khoan, trạm khai thác tại các Nhà máy nước: Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Khu công nghiệp An Nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	24 giếng khoan + 02 điểm khai thác nước mặt	4.699.612.380	Nhà thầu đang triển khai thi công
2		Gói thầu số 2: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm cho các giếng khoan do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp phép trực thuộc các Nhà máy/ Xí nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	44 giếng khoan	9.336.862.109	Đơn vị tư vấn đang chấm thầu
CỘNG A (I+...+V)				78.387.806.733	

B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2023:

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
I	Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy:			14.723.642.597	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Phường 8 (hệ thống xử lý sắt)	2.000 m ³ /ngày đêm	4.800.000.000	Tăng cường công suất xử lý cho nhà máy

		1.2/ Cải tạo Hồ chứa nước rửa lọc; Sân phơi bùn tại Nhà máy nước Phường 8	Hồ chứa nước rửa lọc 280m ³ , diện tích 7m x 20m; Sân phơi bùn, diện tích 8,5m x 9m	1.700.000.000	
		1.3/ Nâng công suất điện cho trạm bơm nước thô	Lắp đặt đường dây 3x35mm+1x16mm, L=35m	25.000.000	Cáp điện bị quá tải
		1.4/ Cải tạo bể phơi bùn tại Nhà máy Nguyễn Chí Thanh	KT: 11m x 23m	250.000.000	Tăng cường công suất chứa cho nhà máy
2	XNCN Phú Lợi	2.1/ Cải tạo, sửa chữa sân phơi bùn tại Nhà máy nước Phú Lợi <i>(đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, nâng thể tích chứa bùn và thuận lợi cho việc thu gom bùn thường xuyên tại đơn vị)</i>	KT: 3,8m x 16,2m	211.320.149	Đã gửi đề nghị xin ý kiến cho thực hiện (Đề nghị số 58/ĐN-KH, ngày 22/12/2022)
		2.2/ Sửa chữa, sơn chống thấm Trạm bơm cấp 2 Nhà máy Phú Lợi	01 hạng mục	80.000.000	Tường Trạm bơm cấp 2 hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.3/ Cải tạo, xây dựng hàng rào; Sửa chữa, sơn Nhà điều hành Trạm cấp nước Phường 7	02 hạng mục	450.000.000	Hàng rào lưới B40 ri sét, Tường Nhà điều hành hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.4/ Sửa chữa cổng hàng rào; Sửa chữa sơn Nhà điều hành Trạm cấp nước Sung Đình	02 hạng mục	100.000.000	Cổng hàng rào ri sét, Tường Nhà điều hành hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.5/ Bổ sung 01 bồn lọc thép ĐK 2,5m; cao 3,5m - lọc sơ bộ trước khi đưa vào HT xử lý RO (tiền xử lý)	01 hạng mục	600.500.000	Tiền xử lý (tránh tình trạng cát từ giếng khoan vô màng lọc RO) theo đề xuất của đơn vị tư vấn đánh giá kiểm tra, bảo trì HT xử lý RO

		2.6/ Lắp đặt tủ biến tần điều khiển bơm 45kW trạm bơm cấp 2 Xi nghiệp cấp nước Phú Lợi	45kw	300.000.000	Bơm 45kw trạm bơm cấp 2 đang vận hành tay gây khó khăn trong việc điều áp
		2.7/ Sửa chữa hàng rào cụm 03 giếng XNCN Phú Lợi (đường Nguyễn Văn Linh)	Hàng rào xây kín cao 2,5m; md 38m	250.000.000	Hàng rào hiện trạng qua thời gian sử dụng đã hư hỏng, người dân bên ngoài leo trèo vào bên trong cụm giếng
3	XNCN Ngã Năm	3.1/ Lắp đặt mới 01 bơm ly tâm trục ngang và đường ống công nghệ cho Trạm bơm cấp II	N=15Kw	150.000.000	Tăng cường thêm để hoạt động luân phiên với bơm hiện có
		3.2/ Trang cấp tủ biến tần 15kW (Bao gồm tủ và các vật tư phụ kèm theo)	15kW	120.000.000	Do biến tần hiện 15kW hiện tại đã sử dụng lâu năm, đã sửa chữa nhiều lần, Nay đã hư không có khả năng sửa chữa
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3	500 m ³	2.250.000.000	Đảm bảo nguồn cung cấp nước phục vụ khách hàng
		4.2/ Cải tạo, sửa chữa hàng rào, mái tôn, sơn Nhà máy Mỹ Xuyên 1 (các khối nhà, hàng rào, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	09 hạng mục	320.000.000	Tường hàng rào, các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn. Nền thấp, ngập nước. Mái tôn bị thấm dột
		4.3/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Mỹ Xuyên 2 (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	70.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
5	XNCN Thạnh Trị	5.1/ Trang bị 01 máy nén khí	5HP	15.000.000	Cung cấp Oxi để giảm hàm lượng sắt trong nước
		5.2/ Trang bị bơm định lượng clo giếng PL4	50l/h	17.000.000	Sử dụng cho bồn lọc giếng PL4

		5.3/ Trang bị máy xét nghiệm mẫu nước DR900 (HACH)	01 máy	54.000.000	Trang bị cho Trạm cấp nước Hưng Lợi
6	XN Sửa chữa (NMN Khu Công nghiệp)	6.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy nước KCN An Nghiệp (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	08 hạng mục	480.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn. Nền thấp, ngập nước
		6.2/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Trạm 3 giếng KCN An Nghiệp (Nhà trực vận hành, hàng rào)	02 hạng mục	30.000.000	Tường Nhà trực vận hành, hàng rào cạnh giáp đường N4 QL60 hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		6.3/ Xây dựng Nhà đặt máy ép bùn	01 hạng mục	163.822.448	Tạo điều kiện cho việc lắp đặt máy ép bùn được thuận lợi
		6.4/ Trang bị 02 bơm chìm giếng SP30-6	P= 5,5kW	188.000.000	Dùng dự phòng cho sự cố bơm giếng
		6.5/Trang bị 01 bơm ly tâm trực ngang	P=18,5kW	330.000.000	Dự phòng cho Trạm bơm nước thô
		6.6/ Di dời trạm bơm nước thô, cải tạo công nghệ, nâng công suất đường dây cấp điện	03 hạng mục (xây dựng, công nghệ, điện)	400.000.000	
7	XNCN Trần Đề	7.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Trần Đề (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	120.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		7.2/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Lịch Hội Thượng (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	70.000.000	

		7.3/ Lắp đặt 01 bơm ly tâm trục ngang tại trạm bơm cấp 2 Xí nghiệp cấp nước Trần Đề	22kW	200.000.000	Tăng cường công suất cấp nước cho trạm bơm cấp 2
		7.4/ Lắp đặt đường dây truyền tải điện từ máy phát điện tại XN Trần Đề đến giếng TĐ4	Cáp CVV 4x16mm ² dài 350m treo trên 2 trụ bê tông ly tâm 7,5m	220.000.000	Dự phòng trường hợp cúp điện vẫn khai thác được giếng TĐ4
8	XNCN Kế Sách	8.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn XNCN Kế Sách (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ); Sơn cụm xử lý và đường ống công nghệ Trạm Trung tâm GDNN&GDTX huyện Kế Sách và Trạm Phong Năm	07 hạng mục	200.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		8.2/ Trang bị máy xét nghiệm mẫu nước DR900 (HACH)	01 máy	54.000.000	Trang bị cho Trạm cấp nước Phong Năm
		9.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn hàng rào, nhà nghỉ công nhân, sơn trong Văn phòng Xí nghiệp	03 hạng mục	110.000.000	Tường hàng rào và khối nhà đã cũ, bong tróc sơn
9	XNCN Long Phú	9.2/ Nâng công suất đường dây tải điện từ CB tổng 150A đến trạm bơm cấp II của xí nghiệp cấp nước Long Phú	Cải tạo đường dây điện 3x35mm ² + 1x16mm ² dài 40m	45.000.000	Nâng công suất đường dây tải điện từ 4x25mm lên 3x50mm + 1x25mm
10	XNCN Đại Ngãi	10.1/ Lắp đặt 01 bơm ly tâm trục ngang tại trạm bơm cấp 2 Trạm cấp nước Long Đức	22kW	200.000.000	Tăng cường lưu lượng và áp lực đưa nước về khu vực thị trấn Đại Ngãi
11	XNCN Mỹ Tú	11.1/ Sửa chữa giếng khoan số hiệu MT2 tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú	Chiều sâu giếng 158m	150.000.000	Giếng MT2 hiện bị kẹt bơm giếng

II	Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước:			42.150.000.000	
1	XNCN Thanh Trị	1.1/ Đầu tư xây dựng NMN Hung Lợi	3.000 m ³ /ngày đêm	17.150.000.000	Nhà máy nước ngầm, bổ sung nguồn nước cho HTCN Thanh Trị - Hung Lợi. Dự kiến vị trí đặt Nhà máy trên đường tỉnh 937B, đoạn giữa thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hung Lợi
2	XNCN Phú Lợi	2.1/ Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt (dự kiến sử dụng nguồn nước mặt của kênh dưới cầu Bung Cốc, Quốc lộ 1A, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên)	10.000 m ³ /ngày đêm (giai đoạn 1 cho công suất 5.000 m ³ /ngày đêm)	25.000.000.000	Nhằm bổ sung nguồn nước cho khu vực phường 2, phường 10, TP. Sóc Trăng. Dự kiến vị trí xây dựng nhà máy tại khu vực cầu Bung Cốc, Quốc lộ 1A, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên. Đề xuất chia thành 2 giai đoạn thực hiện, giai đoạn 1 cho công suất 5.000m ³ /ngày đêm với giá trị khái toán là 25 tỷ đồng
III	Đầu tư khoan giếng, thối rửa giếng khoan cho các nhà máy:			5.912.953.413	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Khoan 02 giếng quan trắc tầng nông QT.6A và QT.9 (302.500.000 đồng/giếng x 02 giếng = 605.000.000 đồng)	chiều sâu 140m	605.000.000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 23/GP-BTNMT, ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Đề nghị số 84/ĐN.NCT ngày 23/9/2022 của XNCN Nguyễn Chí Thanh

2	XNCN Phú Lợi	2.1/ Khoan 01 giếng quan trắc tầng nông QT.19	chiều sâu 120m	290.000.000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 28/GP-BTNMT, ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Đề nghị số 86/ĐN-XNCN ngày 20/9/2022 của XNCN Phú Lợi
3	XNCN Trần Đề	3.1/ Khoan 01 giếng khai thác tầng nông LHT4 (thay thế giếng LHT1 bị hư, đã trám lấp)	chiều sâu 165m	867.953.413	Đã triển khai thủ tục đầu tư
		3.2/ Khoan 01 giếng khai thác tầng nông TĐ5 (thay thế giếng TĐ2)	chiều sâu 150m	1.000.000.000	Do giếng TĐ2 hiện tại bị hư, không sửa chữa được
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.1/ Khoan giếng nước ngầm Nhà máy Mỹ Xuyên 1 (giếng G7)	chiều sâu 480m	1.500.000.000	Dự phòng để bổ sung nguồn nước
5	Phòng KH - VT	5.1/ Thổi rửa các giếng khoan khai thác nước ngầm (khái toán chi phí là 50.000.000 đồng/01 giếng)	33 giếng	1.650.000.000	Tổng số giếng đang khai thác là 64 giếng. Trong đó 25 giếng đã thổi rửa từ năm 2020 đến 2023; 01 giếng đã trám lấp, 01 giếng hư; 01 giếng không khai thác và 03 giếng đưa vào khai thác năm 2022. Còn lại 33 giếng chưa thổi rửa từ khi đưa vào khai thác đến nay
IV	Đầu tư mở rộng, cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước:			36.478.508.178	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Cải tạo tuyến ống cấp nước ấp Bưng Tróp A, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 330m	75.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất kinh doanh

		1.2/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Vành Đai 1, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D160 dài 8.000m	6.500.000.000	Do Ban QLDA 2 đang triển khai giải phóng mặt bằng và đấu thầu dự án đường Vành Đai 1, TP. Sóc Trăng
		1.3/ Đầu nối tuyến ống cấp nước cho các công trình thuộc dự án Trung tâm văn hoá - thể thao tỉnh Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 840m	345.895.041	Thực hiện theo yêu cầu của Văn bản số 541/BQLDA1-KHTH, ngày 10/05/2023 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng
		1.4/ Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ 60 (từ Nhà máy nước Khu Công nghiệp An Nghiệp đến cầu Kinh Xáng), phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D355 dài 1820m	8.200.000.000	Do điều tiết nước từ Nhà máy nước mặt KCN An Nghiệp về Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi
		2.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lưu Khánh Đức, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 1.000m	400.000.000	Di dời TLK, khai thác hộ khách hàng phát sinh và tăng áp khu vực dân cư đường Trần Hưng Đạo
2	XNCN Phú Lợi	2.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 358 đường Nguyễn Văn Linh, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 100m	41.000.000	Lắp van xả cuối nguồn để vệ sinh mạng lưới, kết hợp di dời 04 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
		2.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 233 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 380m	101.000.000	Nối liền mạng với đường Xà Lan tạo mạch vòng tăng cường áp lực, kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh

	2.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 47 đường Trần Quang Khải, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 300m	82.000.000	Hiện trạng van xả nằm trên phần đất của hộ dân, vướng mặt bằng xây dựng; Đầu nối với ống D114 Sương Nguyệt Ánh để khép mạng vòng tăng cường áp lực và kết hợp di dời 5 đồng hồ nước
	2.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước cầu Kênh 16 mét đường Dương Kỳ Hiệp, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 300m	78.000.000	Lắp van xả cuối nguồn để vệ sinh mạng lưới, kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
	2.6/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước các hẻm 962 - 1056 - 1070 - 1098 - 1132 đường Võ Văn Kiệt, phường 10, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D160 dài 900m; ống HDPE D110 dài 1.240m; ống HDPE D63 dài 230m; ống PVC D60 dài 40m	1.342.845.123	Đầu nối với tuyến ống D250 tuyến tránh Quốc lộ 1A với các hẻm 962-1056-1070-1098-1132 và tuyến ống D114 đường Võ Văn Kiệt để khép mạng vòng tăng cường lưu lượng và áp lực. Thuận tiện cho công tác quản lý và kết hợp di dời 6 đồng hồ nước
	2.7/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 26 đường Sương Nguyệt Ánh, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 200m	61.000.000	Kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
	2.8/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 938, phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 390m	182.000.000	Kết hợp di dời 05 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh; Kết hợp dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 938, ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, đang triển khai thực hiện

		2.9/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 882 đường Võ Văn Kiệt, thành phố Sóc Trăng	ống PVC D114 dài 350m	202.827.885	Cung cấp nước sinh hoạt
		2.10/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 22 Bạch Đằng, khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 575m	94.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
3	XNCN Mỹ Xuyên	3.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn từ đường đập qua cầu Bà Ky rẽ trái, đường đan mới làm)	ống HDPE D63 dài 900m	178.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 24 hộ cam kết sử dụng nước
		3.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn từ cuối ống D168 ngược ra đường Mạc Đĩnh Chi - đường tỉnh 934B)	ống HDPE D63 dài 1.000m, 25 hộ cam kết	192.440.129	Cung cấp nước sinh hoạt, 25 hộ cam kết sử dụng nước
		3.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 936, đoạn từ Trung đoàn 897 đến Khu tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 650m	350.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt cho Khu tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng
		3.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Tổ 8, ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn hẻm từ đường đập ấp Tài Công đến Sông Đĩnh giáp phường 4, thành phố Sóc Trăng)	ống HDPE D63 dài 490m, 21 hộ cam kết	97.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 11 hộ cam kết sử dụng nước
		4.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên phải, cuối nguồn đê Bãi Giá đi Bạc Liêu)	ống HDPE D110 dài 500m	332.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 20 hộ (01 hộ đã có ĐH gửi nhờ)

		4.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên trái, từ cầu Bãi Giá đi Trạm kiểm lâm)	ống HDPE D110 dài 800m	387.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 18 hộ (03 hộ đã có ĐH gửi nhờ)
		4.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên phải, từ lộ đản cạnh XN đến cầu Bãi Giá)	ống HDPE D63 dài 250m	68.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 12 hộ (04 hộ đã có ĐH gửi nhờ)
		4.4/ Cải tạo mở rộng tuyến ống đường Nam Sông Hậu (gần Khu Công nghiệp Trần Đề), từ Công KCN - Kênh 2 (nối vào D60)	HDPE D110 dài 790m	315.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát là 06 hộ . Bổ sung nguồn cho tuyến ống D60, ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề do thiếu nước cục bộ
		4.5/ Cải tạo mở rộng tuyến ống đường Nam Sông Hậu (gần Khu Công nghiệp Trần Đề), từ Kênh 1 - Cầu Ngan Rô)	HDPE D160 dài 883m	615.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát là 22 hộ
		5.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Mỹ Hội qua ấp Mỹ Tân, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 1.000m, 40 hộ cam kết	205.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
5	XNCN Kế Sách	5.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Mỹ Hội về cầu Tập Rền, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 1.550m, 56 hộ cam kết	330.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
		5.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước qua cầu Kênh Tắc, từ Huyện lộ 5 qua An Phú Đông, ấp An Phú Đông, thị trấn Kế Sách	ống PVC D168 dài 130m	166.000.000	Hiện nay khu vực An Phú Đông nước yếu do chỉ có 1 đường ống khoan qua sông, nay huyện đã xây cầu. Vì vậy Xí nghiệp ĐN cho đi thêm đường ống mới, phục vụ bà con khu vực An Phú Đông

		5.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ Ngã ba Ung Công Uân dài xuống đèn xanh đèn đỏ đường Phan Văn Hùng, thị trấn Kế Sách	ống HDPE D63 dài 200m	80.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt; số hộ khảo sát 20 hộ, di dời 15 hộ
		5.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Suối Tiên đi Nguyễn Hoàng Huy dẫn truyền về Trung Tâm Thương Mại, thị trấn Kế Sách	HDPE D110 dài 490m	225.000.000	Hiện nay do nguồn từ nhà máy đi ra đến cầu Suối Tiên, ống HDPE D160 qua sông; Ống từ Trung tâm dạy nghề về đến cầu Suối Tiên, ống PVC D114 chỉ đầu nối vô đường ống PVC D60. Nay XN đề nghị đi thêm đường ống lớn để tăng cường áp từ cầu Suối tiên về TTTM
		5.6/ Cải tạo đường ống chính từ Công Xí nghiệp qua cầu Kế Sách	PVC D168 dài 700m	856.000.000	Để giải áp lực nhà máy và tăng cường nguồn nước cho khu vực bên kia cầu, khoảng 1.600 hộ
6	XNCN Thanh Trị	6.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 937B	ống HDPE D110 dài 3.570m, 130 hộ (88 hộ đang sử dụng nước)	1.435.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
		6.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Huệ, ấp 1 đến ấp Xa Mau 1	Tổng: 2.120m (ống HPDE D160 dài 1.950m + ống HDPE D110 dài 170m)	1.500.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 25 hộ (15 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 10 hộ
		6.3/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường ấp 1, ấp Rầy Mới, xã Giồng Chùa, thị trấn Phú Lộc đến thị trấn Hưng Lợi	ống HDPE D110 dài 4.900m	2.200.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 206 hộ (15 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 120 hộ

		6.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Ngân hàng Chính sách, Quốc lộ 61B, thị trấn Phú Lộc	ống HDPE D63 dài 160m	55.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 09 hộ (3 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 6 hộ
		6.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Café Cây Xanh, đường 30/4, thị trấn Phú Lộc	ống HDPE D63 dài 100m	41.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 12 hộ (4 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 8 hộ
		6.6/ Mở rộng mạng lưới đường Đông Tây (Đường 937B)	ống HDPE D160 dài 7050m	5.300.000.000	Đầu nối nhà máy mới dự kiến xây dựng nhằm cải thiện chất lượng nước của Trạm Hưng Lợi và tăng cường nguồn nước cho Thạnh Trị
7	XNCN Vĩnh Châu	7.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường số 4 nối dài, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 370m	125.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ
		7.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4 nối đường Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D160 dài 45m	61.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 06 hộ
		7.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4 nối đường Nam Sông Hậu, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D160 dài 1.100m	766.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ
		7.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm lộ đản, Huyện lộ 48B, phường 2, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 415m	86.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 11 hộ
		7.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Trần Hưng Đạo nối dài, phường 2, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 170m	47.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ

8	XNCN Ngã Năm	8.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lê Văn Tám, đoạn từ hộ Trần Xiếu Hên đến hộ Trần Vũ Phấn, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D63 dài 480m	99.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 18 hộ
		8.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Huỳnh Thị Tân, đoạn từ Công An phường 1 đến Kênh Cống Đá, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 950m	405.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 27 hộ
		8.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 30/4 (bên phải), đoạn từ Cầu Kênh 30/4 đến Trạm Y Tế Ngã Năm, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D63 dài 900m	195.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 20 hộ
		8.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 90 (bên trái), đoạn từ hộ Trần Văn Vũ đến hộ Trần Minh Hiền, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D63 dài 600m	118.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 13 hộ
		8.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Quản lộ Phụng Hiệp, đoạn từ Cầu Tư Bí đến Nhà xe Cường, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 2.850m	1.200.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 45 hộ
		8.6/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Xẻo Cày, đoạn từ Trường Tiểu học Tân Lập A đến hộ Lâm Thị Lệ, phường 2, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 500m	110.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 24 hộ

9	XNCN Đại Ngãi	9.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu cũ, ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú	ống HDPE D110 dài 860m	316.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ cam kết sử dụng nước 20 hộ
		9.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường huyện 23, ấp An Hưng, xã Long Đức, huyện Long Phú	ống HDPE D110 dài 610m	240.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ cam kết sử dụng nước 13 hộ
10	XNCN Long Phú	10.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Hẻm Mậu Sương, ấp 5, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú	ống HDPE D63 dài 305m	77.500.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ cam kết sử dụng nước 09 hộ
V	Giấy phép khai thác nước dưới đất, môi trường; nâng cấp máy vi tính văn phòng:			3.476.190.200	
1	XNCN Ngã Năm	1.1/ Lập hồ sơ xin phép khai thác nước dưới đất tại Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm (giếng NN2, NN3, NN4 - khai thác và NN1 - dự phòng)	2.990m ³ /ngày đêm	40.000.000	
2	XNCN Mỹ Xuyên	2.1/ Lập hồ sơ xin phép khai thác nước dưới đất tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3 (giếng G5 - tầng nông và G6 - tầng sâu)		40.000.000	
		2.2/ Lập hồ sơ xin phép điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 1 (bổ sung giếng G7)	2.990m ³ /ngày đêm	40.000.000	
3	XNCN Phú Lợi	3.1/ Lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất tại Trạm cấp nước Sung Đình	Điều chỉnh lưu lượng, mực nước và chế độ khai thác	40.000.000	

4	Phòng KH - VT	4.1/ Thuê tư vấn lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường (giấy phép xả thải) cho 03 nhà máy nước trực thuộc công ty (các nhà máy: Phú Lợi, Khu CN An Nghiệp và Mỹ Tú)	03 nhà máy	150.000.000	
		4.2/ Thuê tư vấn lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước thải tại 13 đơn vị cấp nước có m ³ xử lý >20m ³ /ngày đêm; lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu không khí và viết báo cáo kết quả quan trắc môi trường tại NMN Khu công nghiệp	14 Xí nghiệp/ Nhà máy/ Trạm cấp nước	102.124.000	Đang triển khai ký kết hợp đồng tư vấn
		4.3/ Thuê tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại XNCN Nguyễn Chí Thanh (01 giếng tầng sâu thay giếng nông 8A)	11.400 m ³ /ngày đêm	500.000.000	
		4.4/ Xây dựng bổ sung hệ thống xử lý nước thải cho các Xí nghiệp/NM/Trạm cấp nước chưa có HTXL nước thải để bổ sung HS xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định gồm: XN Ngã Năm, Trạm Phườn 7, Trạm Sung Đình, Trạm TT nghề nghiệp và GDTX huyện Kế Sách, NM Mỹ Xuyên 3, Trạm Phong Năm, Trạm Hưng Lợi, XN Đại Ngãi, Trạm Long Đức, XN Trần Đề và Trạm Lịch Hội Thượng	11 hạng mục	1.000.000.000	Theo Công văn số 12/TT-TTQTTNMT ngày 09/03/2023 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (đơn vị tư vấn Lập HS xin cấp Giấy phép môi trường cho các Xí nghiệp/NM/Trạm cấp nước trực thuộc Công ty)

5	XN Sửa chữa	5.1/ Thuê tư vấn khảo sát, đánh giá và đầu tư xây dựng phòng xét nghiệm mẫu nước đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025		300.000.000	
		5.2/ Thuê tư vấn thực hiện lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước sinh hoạt năm 2023 theo QCVN 01-1:2018/BYT cho công ty		1.153.066.200	
6	Phòng TCHC	6.1/ Nâng cấp thùng CPU cho các Xí nghiệp cấp nước huyện, thị xã (do đã cấp từ năm 2013, hiện chạy rất chậm, mất thời gian...)	Main H510/B1560, Cpu I3, ram 8Gb, SSD 256..	63.000.000	9 xí nghiệp x 7 triệu/thùng (linh kiện các thùng CPU cũ thì tận dụng dùng để sửa chữa máy khác khi cần)
		6.2/ Nâng cấp thùng CPU cho các Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Phòng Kỹ thuật (do phát sinh nhu cầu cần tốc độ xử lý nhanh hơn, các thùng CPU đã cấp từ năm 2015, hiện không đáp ứng yêu cầu công việc...)	Main H510/B1560, Cpu I3/I5, VGA 4Gb, Ram 8Gb, SSD 256..	48.000.000	XNNCT 2 thùng, XNPL 2 thùng, Kỹ thuật 2 thùng x 8 triệu/thùng
CỘNG B (I+...+V)				102.741.294.388	
C	Các dự án kêu gọi đầu tư (I+II)			80.000.000.000	
I	Đầu tư các Dự án Điện mặt trời			15.000.000.000	
II	Đầu tư các hệ thống sản xuất nước sạch với tổng công suất 15.000m3/ngđ		15.000 m³/ngày đêm	65.000.000.000	
TỔNG CỘNG (A + B + C)				261.129.101.121	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HĐQT
 CỘ PHÁN
 CẤP NƯỚC
 SÓC TRĂNG

Đặng Văn Ngộ

Số: 02/TTr-BKS

Sóc Trăng, ngày 2 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước thông báo;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng phù hợp với các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) công ty trong năm tài chính 2023 như sau:

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của công ty trong năm tài chính 2023 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, có chức năng kiểm toán BCTC của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, và công ty niêm yết trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của công ty.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2023 của công ty.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Tiến Bộ

SỐ 180./TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Tờ trình phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Năm 2022, Công ty vẫn phải đang bù lỗ cho các năm trước, trả nợ ngân hàng và trả nhà cung cấp các khoản nợ cũ. Năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do nguồn nước bị nhiễm mặn rất lớn, dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đảm bảo sản xuất, sản lượng và chất lượng nước, nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cung cấp cho khách hàng trong năm 2023 và đặc biệt là trong những năm tiếp theo là rất lớn. Do vậy, Hội đồng quản trị đề xuất Công ty sẽ không chia cổ tức năm 2022 để tập trung nguồn lực tài chính vào đầu tư mới cũng như đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình, dự án, lĩnh vực đầu tư trong và ngoài ngành để nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông.

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	30.474.517.109	
1	Năm 2021	Đồng	-	
2	Năm 2022	Đồng	30.474.517.109	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Đồng		
1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% lợi nhuận	Đồng	9.142.355.133	
2	Trích quỹ khen thưởng: 5% lợi nhuận	Đồng	1.523.725.855	
3	Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận	Đồng	1.523.725.855	
4	Lợi nhuận chưa phân phối: 60%	Đồng	18.284.710.266	

II. Kế hoạch phối lợi nhuận năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định nguyên tắc, kế hoạch, tỷ lệ, giá trị phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ tùy vào tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLDHĐCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT



Đặng Văn Ngộ



Số: 181/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Điện mặt trời

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh điện mặt trời, cụ thể như sau:

Tên ngành: Sản xuất điện, chi tiết: Điện mặt trời.

Mã ngành: 3511.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**



Đặng Văn Ngo